

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 6 - 2021
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy – Bà Nguyễn Thị Băng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1992; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Bị đơn: Anh Nguyễn Ninh C, sinh năm 1984; vắng mặt.

HKTT: Tổ 5, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Hiện anh C đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính cai nghiện ma túy bắt buộc tại Khu A – Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Ninh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 17 tháng 6 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh C không chịu làm ăn giúp đỡ vợ con, chơi bời, nghiện chất ma túy. Bản thân chị T và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không sửa chữa được. Chị T xác định

tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Ninh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ninh Nh, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011 . Hiện nay cháu Nh đang chung sống cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nh và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ Nguyễn Ninh C trình bày:

Về hôn nhân: Anh C thống nhất với chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như T trình bày là đúng. Anh C xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh C thống nhất với chị T vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Đồng ý với nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung của chị T, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Ninh C có hộ khẩu thường trú tại tổ 5, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Đinh Thị T, bị đơn anh Nguyễn Ninh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị T kết hôn với anh Nguyễn Ninh C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh C thống nhất sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh C không chịu làm ăn chơi bời, nghiện chất ma túy không quan tâm đến vợ con. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không hòa giải được. Chị T và anh C đều xác định tình cảm đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ninh Nh, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nh

không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị T là chính đáng, phù hợp với nguyên vọng của cháu Nh. Anh C nhất trí với nguyên vọng nuôi con chung của chị T. Nên giao cháu Nh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Chị Đinh Thị T, anh Nguyễn Ninh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ninh C

2. Về con chung:

Giao cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Ninh Nh, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011, cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Ninh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0008984, ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Ninh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. H, Tp Yên Bái,
- TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền